

# PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM TRONG TỘI PHẠM HỌC

GS.TS. NGUYỄN NGỌC HÒA \*

1. Là nội dung quan trọng của tội phạm học, vấn đề phòng ngừa tội phạm đã được quan tâm nghiên cứu ở Việt Nam. Tuy nhiên, “việc triển khai nghiên cứu tội phạm học (nói chung cũng như vấn đề phòng ngừa tội phạm nói riêng) còn những mặt yếu kém và hạn chế...”.<sup>(1)</sup> Do những yếu kém và hạn chế này mà kết quả nghiên cứu vừa thiếu tính tổng thể vừa thiếu tính chuyên sâu.<sup>(2)</sup> Trong các nội dung của tội phạm học, vấn đề phòng ngừa ít được nghiên cứu sâu về mặt lí luận cơ bản nhưng lại được vận dụng tương đối nhiều để đề xuất giải quyết các vấn đề thực tiễn.<sup>(3)</sup> Các đề xuất này nói chung chưa có tính thuyết phục hoặc tính thuyết phục chưa cao. Một trong những nguyên nhân của tình hình này là do người vận dụng chưa dựa trên cơ sở lí luận rõ ràng, cụ thể về phòng ngừa tội phạm. Trong các công trình nghiên cứu lí luận cơ bản về tội phạm học, phần nghiên cứu về phòng ngừa tội phạm nhìn chung còn chưa được đầy đủ và cụ thể, chưa thật sự chú ý đến bản chất của vấn đề, chưa có sự gắn kết chặt chẽ với vấn đề tình hình và nguyên nhân của tội phạm. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự nhận thức về phòng ngừa tội phạm của người đọc nói chung cũng như của người nghiên cứu về các biện pháp phòng ngừa đối với nhóm tội phạm hoặc tội phạm cụ thể nói riêng.

Khái niệm “phòng ngừa tội phạm” là

khái niệm được dùng thống nhất trong hầu hết các công trình nghiên cứu về tội phạm học ở Việt Nam, từ các giáo trình đại học đến các sách chuyên khảo và tham khảo.<sup>(4)</sup> Tuy nhiên, phạm vi của khái niệm phòng ngừa tội phạm cũng như nội dung khái quát của hoạt động phòng ngừa tội phạm cùng với cơ chế tác động của nó không được phân tích một cách thuyết phục trong mối liên hệ với các nguyên nhân của tội phạm cũng như với cơ chế tác động của các nguyên nhân này. Đây chính là cơ sở lí luận của vấn đề. Trong khi coi nhẹ cơ sở lí luận này thì nhiều tác giả lại quá chú trọng trình bày các chủ thể cụ thể cùng nhiệm vụ cụ thể của những chủ thể này trong phòng ngừa tội phạm.

Xét về mặt ngôn ngữ, phòng ngừa tội phạm được hiểu là “hoạt động nhằm không cho tội phạm xảy ra”.<sup>(5)</sup> Trong các công trình nghiên cứu, nhiều tác giả cho rằng khái niệm “phòng ngừa tội phạm” có thể được hiểu theo hai nghĩa. Theo nghĩa hẹp thì “phòng ngừa tội phạm” được hiểu theo nguyên nghĩa ngôn ngữ như nói trên; còn theo nghĩa rộng thì “phòng ngừa tội phạm” còn gồm cả hoạt động phát hiện và xử lí tội phạm.<sup>(6)</sup> Mặc dù khẳng định như vậy nhưng các tác giả này hoặc không xác định rõ cần phải hiểu khái niệm này theo nghĩa nào hoặc có khẳng định nhưng khi phân tích lại

\* Trường Đại học Luật Hà Nội

không theo điều đã khẳng định. Các tác giả khác, trong khi trình bày nội dung của “phòng ngừa tội phạm” đều không thể hiện dứt khoát phạm vi hiểu khái niệm này. Vậy cần phải hiểu “phòng ngừa tội phạm” trong phạm vi nào? Để có câu trả lời cần đặt “phòng ngừa tội phạm” trong mối liên hệ với “đấu tranh chống tội phạm” và “đấu tranh phòng, chống tội phạm”. Đây là ba cụm từ cùng có thể được sử dụng trong nghiên cứu tội phạm dưới góc độ tội phạm học, luật hình sự cũng như luật tố tụng hình sự. Trong đó, cụm từ “*đấu tranh phòng, chống tội phạm*”<sup>(7)</sup> có lẽ được sử dụng thông thường hơn cả trong văn bản pháp luật cũng như trong sách báo pháp lí nhưng theo chúng tôi thì cụm từ này lại là cụm từ cần phải được xem xét lại.

Theo Đại từ điển tiếng Việt thì đấu tranh là “*chống lại để bảo vệ hoặc giành lấy*”.<sup>(8)</sup> Đấu tranh là hoạt động đối với hiện tượng đang tồn tại còn phòng hay phòng ngừa là hoạt động đối với hiện tượng có thể sẽ xảy ra. Do vậy, chỉ có thể nói đấu tranh chống một hiện tượng nào đó mà không thể nói đấu tranh phòng một hiện tượng nào đó. Người ta có thể ghép “phòng” và “chống” với nhau dưới dạng “phòng, chống”... (hiện tượng nào đó) nhưng không thể ghép thêm từ “đấu tranh” dưới dạng “đấu tranh phòng, chống”... (hiện tượng nào đó).

Đấu tranh chống tội phạm, theo nghĩa của từ đấu tranh được giải thích trên là các hoạt động phát hiện và xử lí tội phạm để bảo vệ xã hội và công dân khỏi sự xâm hại của tội phạm.<sup>(9)</sup> Đó là những hoạt động đối với tội phạm đã xảy ra. Trái lại, phòng ngừa

tội phạm là các hoạt động nhằm không để cho tội phạm xảy ra. Hoạt động chống hay đấu tranh chống tội phạm và hoạt động phòng ngừa tội phạm là hai hoạt động không đồng nhất với nhau. Tuy nhiên, hai loại hoạt động này không phải độc lập hoàn toàn với nhau mà có mối quan hệ nhất định. Trong nhiều công trình nghiên cứu về tội phạm học, các tác giả cũng đã thừa nhận mối quan hệ này nhưng sự nhận thức về nội dung của mối quan hệ này còn có sự khác nhau. Có tác giả cho rằng “*phòng ngừa như một dạng quan trọng nhất của cuộc đấu tranh chống tội phạm*”<sup>(10)</sup> nhưng có tác giả khác lại cho rằng “*truy cứu trách nhiệm hình sự là một hình thức phòng ngừa tội phạm...*”<sup>(11)</sup> Vấn đề được đặt ra ở đây là phải trả lời câu hỏi: Phòng ngừa tội phạm hàm chứa đấu tranh chống tội phạm hay đấu tranh chống tội phạm hàm chứa phòng ngừa tội phạm? ●

Từ phân tích trên chúng tôi cho rằng:

- Khái niệm phòng ngừa tội phạm phải được hiểu trong phạm vi nguyên nghĩa của nó. Phòng ngừa tội phạm là những hoạt động loại trừ, làm thay đổi nguyên nhân của tội phạm hoặc khống chế tác dụng của nó nhằm ngăn chặn tội phạm xảy ra.

- Chống tội phạm hay đấu tranh chống tội phạm là hoạt động trấn áp tội phạm cụ thể đã xảy ra nhưng có tác động nhất định đến nguyên nhân của tội phạm nói chung và do vậy cũng có giá trị phòng ngừa tội phạm.<sup>(12)</sup>

- Chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm là hai loại hoạt động có nội dung riêng. Tuy có quan hệ với nhau nhưng hai loại hoạt động này không đồng nhất với nhau. Chúng ta có thể nói phòng, chống tội

không theo điều đã khẳng định. Các tác giả khác, trong khi trình bày nội dung của “phòng ngừa tội phạm” đều không thể hiện dứt khoát phạm vi hiểu khái niệm này. Vậy cần phải hiểu “phòng ngừa tội phạm” trong phạm vi nào? Để có câu trả lời cần đặt “phòng ngừa tội phạm” trong mối liên hệ với “đấu tranh chống tội phạm” và “đấu tranh phòng, chống tội phạm”. Đây là ba cụm từ cùng có thể được sử dụng trong nghiên cứu tội phạm dưới góc độ tội phạm học, luật hình sự cũng như luật tố tụng hình sự. Trong đó, cụm từ “*đấu tranh phòng, chống tội phạm*”<sup>(7)</sup> có lẽ được sử dụng thông thường hơn cả trong văn bản pháp luật cũng như trong sách báo pháp lí nhưng theo chúng tôi thì cụm từ này lại là cụm từ cần phải được xem xét lại.

Theo Đại từ điển tiếng Việt thì đấu tranh là “*chống lại để bảo vệ hoặc giành lấy*”.<sup>(8)</sup> Đấu tranh là hoạt động đối với hiện tượng đang tồn tại còn phòng hay phòng ngừa là hoạt động đối với hiện tượng có thể sẽ xảy ra. Do vậy, chỉ có thể nói đấu tranh chống một hiện tượng nào đó mà không thể nói đấu tranh phòng một hiện tượng nào đó. Người ta có thể ghép “phòng” và “chống” với nhau dưới dạng “phòng, chống”... (hiện tượng nào đó) nhưng không thể ghép thêm từ “đấu tranh” dưới dạng “đấu tranh phòng, chống”... (hiện tượng nào đó).

Đấu tranh chống tội phạm, theo nghĩa của từ đấu tranh được giải thích trên là các hoạt động phát hiện và xử lí tội phạm để bảo vệ xã hội và công dân khỏi sự xâm hại của tội phạm.<sup>(9)</sup> Đó là những hoạt động đối với tội phạm đã xảy ra. Trái lại, phòng ngừa

tội phạm là các hoạt động nhằm không để cho tội phạm xảy ra. Hoạt động chống hay đấu tranh chống tội phạm và hoạt động phòng ngừa tội phạm là hai hoạt động không đồng nhất với nhau. Tuy nhiên, hai loại hoạt động này không phải độc lập hoàn toàn với nhau mà có mối quan hệ nhất định. Trong nhiều công trình nghiên cứu về tội phạm học, các tác giả cũng đã thừa nhận mối quan hệ này nhưng sự nhận thức về nội dung của mối quan hệ này còn có sự khác nhau. Có tác giả cho rằng “*phòng ngừa như một dạng quan trọng nhất của cuộc đấu tranh chống tội phạm*”<sup>(10)</sup> nhưng có tác giả khác lại cho rằng “*truy cứu trách nhiệm hình sự là một hình thức phòng ngừa tội phạm...*”.<sup>(11)</sup> Vấn đề được đặt ra ở đây là phải trả lời câu hỏi: Phòng ngừa tội phạm hàm chứa đấu tranh chống tội phạm hay đấu tranh chống tội phạm hàm chứa phòng ngừa tội phạm? ●

Từ phân tích trên chúng tôi cho rằng:

- Khái niệm phòng ngừa tội phạm phải được hiểu trong phạm vi nguyên nghĩa của nó. Phòng ngừa tội phạm là những hoạt động loại trừ, làm thay đổi nguyên nhân của tội phạm hoặc khống chế tác dụng của nó nhằm ngăn chặn tội phạm xảy ra.

- Chống tội phạm hay đấu tranh chống tội phạm là hoạt động trấn áp tội phạm cụ thể đã xảy ra nhưng có tác động nhất định đến nguyên nhân của tội phạm nói chung và do vậy cũng có giá trị phòng ngừa tội phạm.<sup>(12)</sup>

- Chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm là hai loại hoạt động có nội dung riêng. Tuy có quan hệ với nhau nhưng hai loại hoạt động này không đồng nhất với nhau. Chúng ta có thể nói phòng, chống tội

phạm nhưng không thể nói đấu tranh phòng, chống tội phạm vì đấu tranh chỉ có thể đi với chống tội phạm. Khi muốn ghép hai hoạt động này với nhau mà không muốn bỏ từ đấu tranh thì có thể nói là phòng ngừa tội phạm và đấu tranh chống tội phạm.

2. Phòng ngừa tội phạm là một nội dung của tội phạm học nhưng cũng là mục đích chính của ngành khoa học này. Các nội dung khác của tội phạm học đều nhằm phục vụ cho phòng ngừa tội phạm. Lí luận cơ bản về phòng ngừa tội phạm là cơ sở cho việc nghiên cứu, xây dựng cũng như tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm theo cấp độ và phạm vi nhất định trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình và xác định nguyên nhân của tội phạm theo cấp độ và phạm vi tương ứng.<sup>(13)</sup> Lí luận cơ bản về phòng ngừa tội phạm có nhiều nội dung khác nhau, trong đó mỗi tác giả có thể khai thác theo hướng riêng nhưng nội dung chính là phải xác định rõ địa chỉ, cơ chế và hình thức tác động của các biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Lí luận cơ bản về phòng ngừa tội phạm không xác định các biện pháp phòng ngừa cụ thể mà chỉ đưa ra những chỉ dẫn có tính nguyên tắc nhằm định hướng cho việc nghiên cứu, đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm trên cơ sở khảo sát, đánh giá tình hình tội phạm và xác định nguyên nhân của nhóm tội (hay tội) cụ thể trong phạm vi không gian và thời gian nhất định. Trên cơ sở trình bày lí luận chung như vậy một số giáo trình và sách về tội phạm học còn có phần trình bày về vấn đề phòng ngừa tội phạm đối với một số nhóm tội với tính chất

như là minh họa cho phần lí luận. Nhưng phần này không nên được xem là nội dung của lí luận cơ bản về phòng ngừa tội phạm tuy nó được kết cấu là một phần của giáo trình tội phạm học.<sup>(14)</sup>

Tội phạm phát sinh là do còn tồn tại nguyên nhân nhất định.<sup>(15)</sup> Muốn ngăn ngừa tội phạm xảy ra chúng ta cần tác động đến nguyên nhân của hiện tượng này. Trong đó nguyên nhân của tội phạm được hiểu một cách khái quát nhất là “*sự tương tác giữa “phẩm chất tâm lí tiêu cực” của chủ thể và môi trường với “tình huống tiêu cực” nhất định*”.<sup>(16)</sup> Như vậy, các biện pháp phòng ngừa cần hướng tới cả con người và cả môi trường xã hội nhằm thay đổi “phẩm chất tâm lí tiêu cực” của con người và “tình huống tiêu cực” của môi trường theo hướng tích cực. Tác động tới con người với những phương tiện và phương thức khác nhau là cần thiết nhưng cũng quan trọng không kém là phải tác động vào môi trường xã hội, điều mà đôi khi còn bị coi nhẹ. Môi trường xã hội vừa có ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách vừa có vai trò là thành tố tương tác với con người tạo nên nguyên nhân của tội phạm.<sup>(17)</sup>

3. Từ nguyên tắc chung trên có thể xác định được hướng chính của các biện pháp phòng ngừa tội phạm là:

a. *Giáo dục con người và xây dựng môi trường xã hội có tính giáo dục*

Một trong hai loại thành tố tương tác tạo ra nguyên nhân của tội phạm là “phẩm chất tâm lí tiêu cực” của con người. “Phẩm chất tâm lí tiêu cực” này là sản phẩm của quá trình xã hội hoá cá nhân. Nó có thể có

nguyên nhân từ những khiếm khuyết về tính giáo dục của môi trường xã hội hoặc từ chính những hạn chế trong hoạt động giáo dục của xã hội. Để thay đổi “phẩm chất tâm lí tiêu cực” đã có cũng như để ngăn ngừa không cho nó tiếp tục hình thành chúng ta cần xem xét để khắc phục những khiếm khuyết, những hạn chế đó. Ở đây, chúng ta cần xem xét bản thân hoạt động giáo dục và xem xét cả môi trường trong đó hoạt động giáo dục xảy ra (môi trường gia đình, môi trường nhà trường, môi trường cộng đồng dân cư, cộng đồng làm việc và môi trường xã hội nói chung...). Sờ dĩ như vậy vì giữa hai yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Khiếm khuyết trong hoạt động giáo dục có thể do chính những hạn chế của môi trường xã hội. Môi trường xã hội tốt sẽ là điều kiện thuận lợi không chỉ cho hoạt động giáo dục của xã hội có hiệu quả mà còn cho cả quá trình tự rèn luyện của cá nhân. Nó cũng là điều kiện thuận lợi cho quá trình xã hội hoá cá nhân tự phát diễn ra theo hướng tích cực. Môi trường xã hội tốt là môi trường có điều kiện vật chất tốt và điều kiện tinh thần lành mạnh. Trong đó bao hàm cả môi trường pháp lí chặt chẽ và nghiêm minh. Từ đây dẫn đến các hướng tiếp theo của các biện pháp phòng ngừa tội phạm.<sup>(18)</sup>

Như vậy, ở định hướng thứ nhất, các biện pháp phòng ngừa tội phạm được đề ra nhằm:

- Khắc phục những hạn chế trong hoạt động giáo dục trong các môi trường khác nhau, đặc biệt là môi trường gia đình và môi trường nhà trường;

- Khắc phục những khiếm khuyết có tính phản giáo dục của môi trường xã hội -

những khiếm khuyết ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của giáo dục xã hội cũng như hạn chế việc tự tu dưỡng của cá nhân.

*b. Phát triển kinh tế - xã hội và việc hạn chế, khắc phục mặt trái của quá trình phát triển đó*

Trong nhiều công trình nghiên cứu về phòng ngừa tội phạm, các tác giả đều thống nhất cho rằng phát triển kinh tế - xã hội là biện pháp phòng ngừa tội phạm cơ bản.<sup>(19)</sup> Chúng tôi cho rằng trong các biện pháp phòng ngừa tội phạm có biện pháp mà nội dung của nó thuộc về vấn đề phát triển kinh tế - xã hội vì có nguyên nhân của tội phạm thuộc phạm vi này nhưng không thể vì thế mà đồng nhất biện pháp phòng ngừa tội phạm với việc phát triển kinh tế - xã hội nói chung và từ đó lại quá đề cao biện pháp này. Phát triển kinh tế - xã hội có thể làm phát sinh những hiện tượng, những quá trình mà những hiện tượng, những quá trình này lại chính là nguyên nhân của tội phạm. Trong đó có nguyên nhân mà tác giả khác gọi là những “kẽ hở”.<sup>(20)</sup> Đây mới chính là điều cần quan tâm khi nghiên cứu, khảo sát để xác định biện pháp phòng ngừa tội phạm ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Phát triển kinh tế - xã hội là chủ trương, là chính sách là kế hoạch hoạt động chung của toàn xã hội. Các nhà tội phạm học có trách nhiệm góp phần xây dựng những nội dung cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội mà những nội dung đó có ý nghĩa trực tiếp đối với việc loại trừ nguyên nhân của tội phạm. Đồng thời các nhà tội phạm học cũng có trách nhiệm phải xác định được những ảnh hưởng xấu, những kẽ hở của

chính kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội mà những ảnh hưởng xấu, những kẽ hở đó có thể trở thành nguyên nhân của tội phạm. Hai nhiệm vụ này có thể được các nhà tội phạm học thực hiện khi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã và đang được tiến hành. Nhưng tốt nhất, các nhà tội phạm học phải tham gia ngay từ khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để kế hoạch đó có tính hoàn chỉnh ngay từ đầu. Điều này đòi hỏi các nhà tội phạm học phải có khả năng phân tích và dự đoán trên cơ sở kiến thức lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và các kết quả khảo sát.

Như vậy, ở định hướng thứ hai, các biện pháp phòng ngừa tội phạm được đề ra có nội dung:

- Đề xuất ưu tiên thực hiện một số nhiệm vụ kinh tế - xã có liên quan trực tiếp đến nguyên nhân của tội phạm;

- Đề xuất các biện pháp hạn chế những ảnh hưởng xấu, khắc phục những kẽ hở của các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

*c. Chống tội phạm, xử lý vi phạm và vấn đề tăng cường quản lý để ngăn vi phạm và tội phạm không xảy ra*

Chống tội phạm là hoạt động phát hiện tội phạm và xử lý người phạm tội về hình sự. Chống tội phạm tuy là hoạt động giải quyết sự việc tội phạm cụ thể đã xảy ra nhưng vẫn có ý nghĩa đối với việc phòng ngừa tội phạm nói chung. Mức độ tác động đến phòng ngừa tội phạm của hoạt động chống tội phạm phụ thuộc vào việc hoạt động này được thực hiện như thế nào. Do vậy, yêu cầu đặt ra cho đấu tranh chống tội phạm là: “*Mọi hành vi phạm tội phải được*

*phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật... ”.*<sup>(21)</sup> Thực hiện được yêu cầu cần thiết này là tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động phòng ngừa tội phạm. Cụ thể:

- Phát hiện kịp thời tội phạm đồng nghĩa với việc ngăn chặn không để người phạm tội tiếp tục lặp lại hành vi phạm tội đã thực hiện. Trái lại, nếu tội phạm đã xảy ra mà không được phát hiện thì có nhiều khả năng chủ thể sẽ tiếp tục phạm tội và có thể ở mức độ nghiêm trọng hơn.

- Phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh tội phạm có tác dụng răn đe người phạm tội và qua đó có thể giáo dục, làm thay đổi “phẩm chất tâm lý tiêu cực” của họ theo hướng tích cực.

- Phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh mọi tội phạm tạo ra môi trường pháp lý nghiêm minh. Môi trường này vừa có tác dụng răn đe chung – răn đe bị phát hiện cũng như răn đe bị xử lý và vừa là môi trường tốt cho việc giáo dục ý thức tuân theo pháp luật cũng như ý thức tham gia tích cực vào hoạt động đấu tranh chống tội phạm.<sup>(22)</sup>

Với ba hướng ảnh hưởng đến phòng ngừa tội phạm trên đây, hoạt động chống tội phạm rõ ràng có ý nghĩa quan trọng trong phòng ngừa tội phạm. Chống tội phạm phải được xem là một loại biện pháp phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, chúng ta không nên coi biện pháp này là biện pháp cơ bản nhưng cũng không được xem nhẹ nó. Chống tội phạm không chỉ có ảnh hưởng trực tiếp đến phòng ngừa tội phạm mà kết quả của nó còn là cơ sở cho việc nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm để đề ra biện

pháp phòng ngừa. Chống tội phạm vừa là bộ phận không thể thiếu của phòng ngừa tội phạm nhưng đồng thời cũng là mặt khác của phòng ngừa tội phạm. Phòng tội phạm và chống tội phạm là hai mặt không tách rời của thể thống nhất.

Chống tội phạm có hiệu quả không thể tách rời việc chống các vi phạm pháp luật. Tính nghiêm minh của pháp luật không chỉ đòi hỏi “mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật...” mà còn đòi hỏi các vi phạm pháp luật khác cũng phải được phát hiện và xử lý kịp thời, công minh. Tội phạm và vi phạm pháp luật là hai hiện tượng xã hội tiêu cực cùng tồn tại song song nhưng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Tội phạm có thể bắt nguồn từ vi phạm pháp luật: Có người phạm tội mà việc phạm tội của họ chỉ là sự “phát triển” tiếp theo của các vi phạm hành chính hoặc vi phạm kỉ luật đã thực hiện trước đó. Đồng thời cũng có những tội phạm đã xảy ra trong hoàn cảnh để tự giải quyết các vi phạm không được giải quyết bằng con đường hợp pháp một cách kịp thời.<sup>(23)</sup> Phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng và đúng các vi phạm vừa góp phần xây dựng môi trường pháp lí nghiêm minh vừa loại trừ bớt một loại nguyên nhân của tội phạm. Như vậy, chống vi phạm pháp luật phải được xem là biện pháp cần thiết của phòng ngừa tội phạm.

Tội phạm xảy ra luôn luôn gắn với tác động ở mức độ khác nhau của “tinh huống tiêu cực” của môi trường xã hội. “Tinh huống tiêu cực” của môi trường xã hội

không chỉ liên quan đến “phẩm chất tâm lí tiêu cực” của chủ thể mà còn giữ vai trò là một phần nguyên nhân của tội phạm khi tương tác với “phẩm chất tâm lí tiêu cực”. Do vậy, tác động đến môi trường xã hội để phòng ngừa tội phạm nhằm hai mục đích: Góp phần thay đổi “phẩm chất tâm lí tiêu cực” theo hướng tích cực và loại trừ “tinh huống tiêu cực” của môi trường xã hội. Để đạt được cả hai mục đích này đòi hỏi sự tác động đến môi trường xã hội cũng phải có những nội dung khác nhau. Ngoài những biện pháp tác động đến môi trường xã hội chung đòi hỏi phải có những biện pháp tác động đến môi trường xã hội riêng cho mỗi mục đích. Để đạt được mục đích loại trừ “tinh huống tiêu cực” của môi trường xã hội là một phần nguyên nhân của tội phạm khi tương tác với “phẩm chất tâm lí tiêu cực”, trước hết hoạt động phòng ngừa tội phạm cần hướng vào các khiếm khuyết trong hoạt động quản lí thuộc các lĩnh vực mà ở đó tội phạm có thể xảy ra để đề ra biện pháp khắc phục. Các “khiếm khuyết” này có thể được biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau nhưng có cùng tính chất là các yếu tố làm “dễ dàng” việc phạm tội. Yếu tố này có thể xuất phát từ những hạn chế, sơ hở của văn bản pháp luật cũng như từ các yếu kém trong hoạt động quản lí nhà nước ở các lĩnh vực khác nhau.<sup>(24)</sup>

Như vậy, ở định hướng thứ ba, các biện pháp phòng ngừa tội phạm được đề ra nhằm:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác;
- Khắc phục những yếu kém, “khiếm

khuyết” trong quản lí nhà nước ở các lĩnh vực.

Để đạt được hai mục đích này các biện pháp phòng ngừa tội phạm cần tập trung vào việc hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực và đạo đức công chức cũng như hoàn thiện cơ chế giám sát, kiểm tra...

*d. Phòng ngừa tội phạm từ phía trách nhiệm của nạn nhân và của công dân nói chung*

Trong các “tình huống tiêu cực” có hai loại tình huống tương đối đặc biệt vì liên quan tới nạn nhân và liên quan tới công dân nói chung.

Nạn nhân trong tội phạm học được hiểu: “... là những cá nhân, tổ chức bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại, gây ra những thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc các quyền, lợi ích hợp pháp khác”.<sup>(25)</sup> Nạn nhân có thể liên quan đến nguyên nhân của tội phạm thông qua những xử sự cụ thể của cá nhân hoặc xử sự của các thành viên thuộc tổ chức. Những xử sự đó có thể là trái pháp luật hoặc không trái pháp luật nhưng đều có cùng tính chất là góp phần vào nguyên nhân làm phát sinh tội phạm. Những xử sự đó có thể là sự mất cảnh giác, thờ ơ hoặc thiếu trách nhiệm v.v. trong việc bảo vệ đối tượng bảo vệ của luật hình sự hoặc có thể là xử sự khác có tác động thúc đẩy, “khuyến khích” sự hình thành ý định phạm tội cũng như thực hiện ý định phạm tội đó ở người khác.<sup>(26)</sup>

Phản ứng của công dân đối với hành vi phạm tội cũng như đối với hành vi vi phạm pháp luật và thái độ của họ đối với người có hành vi phạm tội hay hành vi vi phạm pháp luật có ảnh hưởng nhất định đến tâm lí

người phạm tội. Sẽ là áp lực tâm lí rất lớn có tác dụng kiềm chế ý định phạm tội khi mọi người đều có thái độ sẵn sàng ngăn chặn tội phạm cũng như phát hiện tội phạm. Trái lại, tình trạng thờ ơ, thậm chí né tránh của số đông công dân trước hành vi phạm tội hiện nay đang làm cho việc thực hiện tội phạm trở nên dễ dàng hơn.

Như vậy, ở định hướng thứ tư, các biện pháp phòng ngừa tội phạm được đề ra nhằm:

- Khắc phục tình trạng “vô tình tạo điều kiện” cho việc phạm tội của người khác đối với chính mình;

- Tăng cường các biện pháp “làm khó” hơn cho việc thực hiện tội phạm để tự bảo vệ trước các hành vi phạm tội;

- Giáo dục ý thức trách nhiệm trong đấu tranh với tội phạm (cũng như những vi phạm pháp luật khác) cho tất cả công dân.

Tóm lại, phòng ngừa tội phạm là hoạt động của các cơ quan, tổ chức và công dân, thực hiện tổng thể các biện pháp tác động trực tiếp vào các nhóm nguyên nhân của tội phạm để kiểm soát, hạn chế tác dụng và loại trừ dần những nhóm nguyên nhân này. Chống tội phạm là một trong những hoạt động cần thiết đó nhưng không phải là biện pháp phòng ngừa tội phạm có tính ưu tiên vì không phải là biện pháp phòng ngừa tội phạm hữu hiệu nhất. Muốn phòng ngừa tội phạm có tính hiệu quả và bền vững cần phải ưu tiên các biện pháp phòng ngừa tội phạm tác động trực tiếp theo hướng loại trừ hoặc hạn chế tác dụng của các nguyên nhân của tội phạm thuộc về “tình huống tiêu cực” của môi trường xã hội. Tuy



nhiên, tính đồng bộ, tổng thể của các biện pháp phòng ngừa tội phạm vẫn phải luôn luôn được chú trọng đúng mực./.

- (1). Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Tội phạm học Việt Nam - một số vấn đề lí luận và thực tiễn, Nxb. CAND năm 2000, tr. 15
- (2). Tội phạm học Việt Nam..., Sdd., tr. 15 và các tr. tiếp theo.
- (3). Đó có thể là các đề tài nghiên cứu các cấp cũng như các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ thuộc mã ngành tội phạm học.
- (4). Các giáo trình tội phạm học của Trường Đại học Luật Hà Nội (Nxb. CAND năm 2004), của Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội (Nxb. ĐHQG HN năm 1999); Các sách: Tội phạm học, luật hình sự và luật TTHS của Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật (Nxb. CTQG năm 1994); Tội phạm học Việt Nam - một số vấn đề lí luận và thực tiễn của Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật (Nxb. CAND năm 2000); Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm của Nguyễn Xuân Yêm (Nxb. CAND năm 2001) v.v..
- (5). Theo Đại từ điển tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên (Nxb. Văn hoá thông tin năm 1999), "*Phòng ngừa là phòng không cho điều bất lợi, tác hại xảy ra*"; "*Phòng là tìm cách ngăn ngừa, đối phó với điều không hay có thể xảy ra, gây tác hại cho mình*" (tr. 1339).
- (6). Xem: Giáo trình tội phạm học của Khoa luật Đại học quốc gia, Sdd., tr. 119, 120; Tội phạm học Việt Nam..., Sdd., tr. 235, 236.
- (7). BLHS năm 1999 đã thay cụm từ này bằng cụm từ "Đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm".
- (8). Xem: Đại từ điển tiếng Việt, Sdd., tr. 383.
- (9). Xem: Điều 1 và Điều 8 BLHS, trong đó các quan hệ xã hội cần được bảo vệ đã được cụ thể hoá.
- (10) Xem: Nguyễn Xuân Yêm, Sdd., tr. 192.
- (11). Xem: Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Tội phạm học, luật hình sự và luật TTHS, Nxb. CTQG năm 1994, tr. 88.
- (12). Cơ chế của sự tác động này là một nội dung cần được trình bày khi nói về phòng ngừa tội phạm. Vấn đề này được trình bày ở phần tiếp theo.
- (13). Về các cấp độ và phạm vi nghiên cứu tình hình tội phạm và nguyên nhân của tội phạm có thể xem: Nguyễn Ngọc Hoà, Tội phạm và cấu thành tội phạm,

Nxb. CAND, năm 2007, tr.212, 213.

- (14). Xem: Giáo trình tội phạm học của Trường Đại học Luật Hà Nội; Sdd. của Nguyễn Xuân Yêm.
  - (15). Như cách hiểu hiện nay thì có nguyên nhân và có điều kiện của tội phạm. Theo tác giả thì chỉ có nguyên nhân của tội phạm với lí do đã được trình bày trong sdd. tr. 228 và các tr. tiếp theo.
  - (16). Sdd., tr. 243.
  - (17). Về nội dung và ý nghĩa cụ thể của hai thành tố này cũng như cơ chế tương tác giữa chúng có thể tham khảo Sdd. tr. 238 và các trang tiếp theo.
  - (18). Các định hướng này được trình bày dưới đây.
  - (19). Trong cuốn "Luật hình sự Việt Nam" (Quyển I - Những vấn đề chung), Nxb. Khoa học xã hội năm 2000, GS.TSKH. Đào Trí Úc viết: "*Những giải pháp kinh tế, xã hội ấy có tác động trực tiếp đến các nguyên nhân gốc rễ của tội phạm, vì vậy, chúng có ý nghĩa quyết định đối với việc phòng ngừa tội phạm*" (tr. 67); Tương tự như vậy, trong cuốn "Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn", Nxb. CAND năm 2000, TS. Nguyễn Mạnh Kháng viết: "*... phát triển sản xuất, nâng cao mức sống của nhân dân, ... là một trong những biện pháp phòng ngừa tội phạm căn bản và lâu dài.*" (tr. 241).
  - (20). Xem: Đào Trí Úc, Sdd., tr. 67.
  - (21). Xem: Khoản 1 Điều 3 BLHS.
  - (22). Về tác dụng răn đe này có thể xt.: Đào Trí Úc, Sdd. tr. 81
- Về tác dụng giáo dục ý thức pháp luật có thể xt.: Đào Trí Úc, Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới, Nxb. KHXH, năm 1997, tr. 615
- (23). Xem: Đào Trí Úc, Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới, Nxb. KHXH, năm 1997, tr. 538 - 539
  - (24). Những "kế hở" của các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói ở phần trên cũng là một loại yếu tố này.
  - (25). Trần Hữu Tráng, Nạn nhân học trong tội phạm học Việt Nam (Luận văn thạc sĩ, bảo vệ tại Trường Đại học luật Hà Nội năm 2000) tr. 8. Trong thực tế, khái niệm nạn nhân có thể được sử dụng với nghĩa hẹp hơn. Theo đó, nạn nhân chỉ bao gồm cá nhân bị tội phạm gây thiệt hại về thể chất hoặc tinh thần.
  - (26). Về các biểu hiện cụ thể của những xử sự này có thể tham khảo trong Trần Hữu Tráng, Sdd.